

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	074	6001	00000	0	0	2.001.596.735	2.001.596.735	2.001.596.735	2.001.596.735
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	074	6051	00000	0	0	90.501.840	90.501.840	90.501.840	90.501.840
Phụ cấp chức vụ	12	074	6101	00000	0	0	31.239.000	31.239.000	31.239.000	31.239.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	12	074	6107	00000	0	0	4.212.000	4.212.000	4.212.000	4.212.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	074	6112	00000	0	0	703.646.811	703.646.811	703.646.811	703.646.811
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	074	6113	00000	0	0	4.212.000	4.212.000	4.212.000	4.212.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	12	074	6115	00000	0	0	300.532.537	300.532.537	300.532.537	300.532.537
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	410.184.866	410.184.866	410.184.866	410.184.866
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	72.385.565	72.385.565	72.385.565	72.385.565
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	24.128.521	24.128.521	24.128.521	24.128.521
Các khoản đóng góp khác	12	074	6349	00000	0	0	12.064.261	12.064.261	12.064.261	12.064.261
Chi khác	12	074	6449	00000	0	0	136.800.000	136.800.000	136.800.000	136.800.000

Tiền điện	12	074	6501	00000	0	0	20.072.708	20.072.708	20.072.708	20.072.708
Tiền nước	12	074	6502	00000	0	0	7.106.748	7.106.748	7.106.748	7.106.748
Tiền vệ sinh, môi trường	12	074	6504	00000	0	0	5.796.654	5.796.654	5.796.654	5.796.654
Văn phòng phẩm	12	074	6551	00000	0	0	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	12	074	6552	00000	0	0	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	12	074	6601	00000	0	0	132.000	132.000	132.000	132.000
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	12	074	6605	00000	0	0	3.297.597	3.297.597	3.297.597	3.297.597
Tiền vé máy bay, tàu, xe	12	074	6701	00000	0	0	1.030.000	1.030.000	1.030.000	1.030.000
Phụ cấp công tác phí	12	074	6702	00000	0	0	450.000	450.000	450.000	450.000
Khoản công tác phí	12	074	6704	00000	0	0	11.100.000	11.100.000	11.100.000	11.100.000
Thuê phương tiện vận chuyển	12	074	6751	00000	0	0	3.672.000	3.672.000	3.672.000	3.672.000
Thuê lao động trong nước	12	074	6757	00000	0	0	18.225.000	18.225.000	18.225.000	18.225.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	12	074	6912	00000	0	0	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000
Đường điện, cấp thoát nước	12	074	6921	00000	0	0	2.884.500	2.884.500	2.884.500	2.884.500
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	074	7001	00000	0	0	3.325.000	3.325.000	3.325.000	3.325.000
Chi khác	12	074	7049	00000	0	0	65.480.680	65.480.680	65.480.680	65.480.680
Chi các khoản khác	12	074	7799	00000	0	0	54.577.600	54.577.600	54.577.600	54.577.600
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghịệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	12	074	7854	00000	0	0	12.636.000	12.636.000	12.636.000	12.636.000
Cộng:					0	0	4.008.780.623	4.008.780.623	4.008.780.623	4.008.780.623
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

Kế toán

Kiểm soát

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Thị Nguyên

Người ký: Phùng Thị Như Hiền
Ngày ký: 06/04/2026 12:13:48
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực XIII-PGD số 1

Phùng Thị Như Hiền

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Lê Nguyễn Phương Trâm
Ngày ký: 06/04/2026 08:46:51
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Cẩm Lệ

Người ký: Nguyễn Thị Minh Huệ
Ngày ký: 06/04/2026 09:15:30
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Cẩm Lệ

Lê Nguyễn Phương Trâm

Nguyễn Thị Minh Huệ